TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG H** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 07/2021/QĐST-DS	*Đông H, ngày 19 tháng 3 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 3 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 07/2020/TLST- DS ngày 23 tháng 10 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam;

Địa chỉ: số 35, đường Hàng Vôi, quận Hoàng Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn Thi – Giám đốc Phòng giao dịch Đông H (theo văn bản ủy quyền ngày 25/6/20200.

Bị đơn: Ông Trần Thanh H, sinh năm 1968
Bà Trịnh Tuyết H1, sinh năm 1968

Cùng địa chỉ: ấp 3, thị trấn G, huyện Đông H, tỉnh B.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Trần Xuân H2, sinh năm 1994.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H1, anh H2: Ông Trần Thanh H, sinh năm 1968 (theo văn bản ủy quyền ngày 12/3/2021).

Cùng địa chỉ: ấp 3, thị trấn G, huyện Đông H, tỉnh B.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ngân hàng yêu cầu ông Trần Thanh H và bà Trịnh Tuyết H1 giao trả số tiền vốn vay là 2.666.700.000đ, lãi 119.738.576đ, tổng cộng vốn và lãi là 2.786.438.576đ (tính đến ngày 25/6/2020) và tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi dứt nợ. Trường hợp ông H, bà H1 không có khả năng thanh toán nợ thì ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp đã ký để thu hồi nợ.

Ông Trần Thanh H đồng ý giao trả theo yêu cầu của ngân hàng số tiền vốn vay là 2.666.700.000đ, lãi 119.738.576đ, tổng cộng vốn và lãi là 2.786.438.576đ (tính đến ngày 25/6/2020) và tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi dứt nợ.

Trường hợp ông không có khả năng thanh toán nợ cho ngân hàng thì ông đồng ý xử lý tài sản thế chấp gồm hai phần đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX339175 tại thửa số 327 tờ bản đồ số 27, diện tích 500,2m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ Trần Thanh H được cấp năm 2014 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 162910 tại thửa số 325 tờ bản đồ số 27, diện tích 559,4m^2, nằm trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần Thanh H, được sang tên cho ông H vào ngày 01/10/2019.

Về thời hạn trả: Các đương sự không đặt ra xem xét.

Về án phí có giá ngạch, tuy nhiên do hòa giải thành nên đương sự được giảm 50% án phí. Qua hòa giải, ông Trần Thanh H đồng ý chịu toàn bộ số tiền: 43.864.000đ. Ngân hàng không pH nộp án phí, số tiền ngân hàng nộp tạm ứng là 43.864.385đ được hoàn lại đủ. Các đương sự nộp và nhận tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông H.

Đối với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ngày 02/02/2021 đã chi số tiền 300.000đ, ngân hàng nộp tạm ứng đã chi hết, ông Trần Thanh H có trách nhiệm giao trả lại cho Ngân hàng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKS nhân dân huyện Đông H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị N.Y

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:</u>

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề pH giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).